

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG ĐIỀN  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-02-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Di.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2021/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 34, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Phan Mạnh C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 34, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-11-2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị T đăng ký kết hôn với anh Phan Mạnh C tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 30-9-2010 (giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 01/2010). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, chị T và anh C phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C thường xuyên bài bạc, nợ nần dẫn đến mâu thuẫn gia đình ngày càng căng thẳng. Chị T và gia đình hai bên đã khuyên răn nhiều lần nhưng anh C vẫn chứng nào tật ấy, chị T đã phải bán đất để trả nợ. Từ những mâu thuẫn liên quan đến kinh tế, tài chính, lo cho cuộc sống gia đình khiến vợ chồng không có sự đồng cảm với nhau, tình cảm rạn nứt.

Nay chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn nên chị xin ly hôn với anh C.

Về nuôi con chung: Chị T xác nhận chị và anh C có 01 con chung là cháu Phan Lê Bích N, sinh ngày 26-7-2017. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Phan Mạnh C:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh C từ chối nhận văn bản tố tụng và không đến Tòa án tham gia giải quyết. Tòa án cũng không nhận được văn bản ý kiến hay bản tự khai của anh C.

*Tại phiên tòa:*

Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh C vắng mặt trong quá trình tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với anh Phan Mạnh C nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn anh Phan Mạnh C có địa chỉ cư trú tại huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị T đăng ký kết hôn với anh Phan Mạnh C tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 30-9-2010 (giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 01/2010). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, chị T và anh C phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C thường xuyên bài bạc, nợ nần dẫn đến mâu thuẫn gia đình ngày càng căng thẳng. Chị T và gia đình hai bên đã khuyên răn nhiều lần, chị T phải bán đất để trả nợ cho anh C nhưng anh C vẫn chứng nào tật ấy. Từ những mâu thuẫn liên quan đến kinh tế, tài chính, lo cho cuộc sống gia đình khiến vợ chồng không có sự đồng cảm với nhau, tình cảm rạn nứt. Tại Tòa chị xác định không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu được ly hôn.

Kết quả xác minh cho thấy: Chị T và anh C kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2010 tại tổ 34/60 phụ phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh C thường xuyên bài bạc, cá độ, lô đề. Chị T phải bán đất để trả nợ cho anh C nhưng anh C vẫn không từ bỏ cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều. Hiện anh C không thường xuyên sinh sống tại địa phương mà lâu lâu mới về.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy bản thân anh C không có thiện chí hàn gắn T cảm vợ chồng, bỏ mặc đời sống hôn nhân.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp; thực tế xác minh tại địa phương cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh C là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, anh chị đã thực sự không còn tình cảm với nhau, hôn nhân lâm vào T trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh C.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Chị T và anh C có 01 con chung là cháu Phan Lê Bích N, sinh ngày 26-7-2017. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu N còn nhỏ, đang ở với chị T. Để tránh xáo trộn trong sinh hoạt, tâm lý của cháu. Hội đồng xét xử

căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị T ly hôn anh Phan Mạnh C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phan Lê Bích N, sinh ngày 26-7-2017 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

*Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.*

*Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.*

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0008564, ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND thị trấn L;
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký và đóng dấu)

**Phạm Thị Bình**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Di**

**Nguyễn Thị Thủy**

**Phạm Thị Bình**

